

Số: 3061/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cắt giảm kế hoạch vốn ngân sách tỉnh
và bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công cho các đơn vị, địa phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021; Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021; các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng ngân sách tỉnh năm 2021 cho các dự án đảm bảo thủ tục đầu tư (đợt 17); Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 30/7/2021, Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 13/8/2021, Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 10/9/2021, Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 và kế hoạch năm 2021;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban thường kỳ ngày 18/10/2021 (Khoản 16, Thông báo số 471/TB-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 221/TTr-SKHĐT ngày 15/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Cắt giảm kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020 kéo dài sang 2021, kế hoạch vốn năm 2021 của các chương trình, dự án không có khả năng giải ngân trong năm 2021, với tổng số tiền: 91.137.526.200 đồng (Chín mươi một tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, hai trăm đồng) (trong đó: kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020 kéo dài sang năm 2021 là 13.634.174.200 đồng, kế hoạch vốn năm 2021 là 77.503.352.000 đồng), cụ thể như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công cho các đơn vị, địa phương, tổng số tiền: 91.137.526.200 đồng (Chín mươi một tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, hai trăm đồng), từ nguồn vốn cắt giảm tại Khoản 1, để thực hiện các dự án, như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thủ tục cắt giảm, bổ sung kế hoạch vốn cho các đơn vị, địa phương; theo dõi, hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định.

2. Các đơn vị có tên tại Phụ lục tại Phụ lục I khẩn trương lập thủ tục nộp trả ngân sách tỉnh kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh được cắt giảm trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc; các đơn vị có tên tại Phụ lục II đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân kế hoạch vốn được bổ sung theo quy định

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý các phát sinh, vướng mắc (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thủ trưởng các đơn vị có tên tại Phụ lục I, Phụ lục II và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH.

(E:\Dropbox\Hai TH\Nam 2021\Đau tu cong\QD dieu chuyen ke hoach von nguon ngan sach tinh (TT 221).doc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang



DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CẮT GIẢM KẾ HOẠCH VỐN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021 đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi điều chỉnh	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số							Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh								
	TỔNG SỐ						1.115.363	1.035.549	209.813	199.315	179.647,046000	20.142,656000	120.658,390000	91.137,526200	88.509,519800	
A	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021						183.318	138.605	89.988	79.490	20.815,046000	4.270,431000	16.544,615000	13.634,174200	7.180,871800	
A1	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ QUYẾT						8.746	8.000	7.800	7.800	1.659,707000	219,431000	1.440,276000	808,000000	851,707000	
I	NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ						8.746	8.000	7.800	7.800	1.659,707000	219,431000	1.440,276000	808,000000	851,707000	
1	Trạm y tế xã Tam Anh Nam	UBND huyện Núi Thành	7774605		132	4000-27/6/19	4.322	4.000	3.900	3.900	968,839000	89,227000	879,612000	600,000000	368,839000	Quyết toán thừa kế hoạch vốn
2	Trạm y tế Thị Trấn Núi Thành		7776232		132	5569-15/8/19	4.424	4.000	3.900	3.900	690,868000	130,204000	560,664000	208,000000	482,868000	
A2	DANH MỤC DỰ ÁN						174.572	130.605	82.188	71.690	19.155,339000	4.051,000000	15.104,339000	12.826,174200	6.329,164800	
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						61.105	61.105	21.190	21.190	3.267,339000	-	3.267,339000	566,174200	2.701,164800	
1	Trường THPT Trần Đại Nghĩa, huyện Quế Sơn	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7783949	560	074	3142-30/9/19	61.105	61.105	21.190	21.190	3.267,339000		3.267,339000	566,174200	2.701,164800	Điều chỉnh cho UBND huyện Quế Sơn bồi thường giải phóng mặt bằng
II	VĂN HÓA THÔNG TIN						50.000	25.000	22.500	16.000	4.500,000000	40,000000	4.460,000000	4.460,000000	40,000000	
1	Nâng cấp, mở rộng nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng	UBND huyện Tiên Phước	7644608		161	109-23/5/17	50.000	25.000	22.500	16.000	4.500,000000	40,000000	4.460,000000	4.460,000000	40,000000	Vướng bồi thường giải phóng mặt bằng
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						63.467	44.500	38.498	34.500	11.388,000000	4.011,000000	7.377,000000	7.800,000000	3.588,000000	
III.1	CÔNG NGHIỆP KHÁC						63.467	44.500	38.498	34.500	11.388,000000	4.011,000000	7.377,000000	7.800,000000	3.588,000000	
1	Cụm công nghiệp An Lưu	UBND thị xã Điện Bàn			309	1079-31/3/17	18.498	14.500	18.498	14.500	1.354,000000	695,000000	659,000000	1.000,000000	354,000000	Quyết toán thừa kế hoạch vốn
2	Cụm công nghiệp Đông Phú 1	UBND huyện Quế Sơn			309	1086-01/10/19	30.000	20.000	10.000	10.000	5.834,000000		5.834,000000	5.000,000000	834,000000	Vướng bồi thường giải phóng mặt bằng
3	Cụm công nghiệp thôn Bón, xã Ba	UBND huyện Đông Giang			309	1488-28/8/19	14.969	10.000	10.000	10.000	4.200,000000	3.316,000000	884,000000	1.800,000000	2.400,000000	
B	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 (DỰ KIẾN PHÂN BỐ)						932.045	896.944	119.825	119.825	158.832,000000	15.872,225000	104.113,775000	77.503,352000	81.328,648000	
B1	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ QUYẾT						80.224	79.710	3.826	3.826	22.586,000000	854,824000	631,176000	12.230,705000	10.355,295000	
I	NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ						14.400	14.400	-	-	10.100,000000	-	-	1.000,000000	9.100,000000	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021 đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi điều chỉnh	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số							Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh								
1	Mua sắm trang thiết bị các trạm y tế	Sở Y tế					14.400	14.400			10.100,000000			1.000,000000	9.100,000000	(*) Nguồn xô số kiến thiết. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
II	NGHỊ QUYẾT VỀ HỖ TRỢ TRỪNG TU DI TÍCH CẤP TỈNH, QUỐC GIA						11.500	11.500	-	-	4.000,000000	-	-	4.000,000000	-	
1	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi Tháp Nam thuộc khu di tích Tháp Chăm Khương Mỹ	BQL dự án ĐTXD tỉnh					5.500	5.500			2.000,000000			2.000,000000	-	(*) Nguồn ngân sách tập trung. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
2	Tu bổ tháp Chăm Bằng An	Sở VH-TT&DL					6.000	6.000			2.000,000000			2.000,000000	-	
III	NGHỊ QUYẾT VỀ KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯỜNG VÀ THỦY LỢI NHỎ						3.514	3.000	3.000	3.000	660,000000	45,000000	615,000000	214,529000	445,471000	
1	Trạm bơm Gò Kia, xã Bình Lâm	UBND huyện Hiệp Đức					3.514	3.000	3.000	3.000	660,000000	45,000000	615,000000	214,529000	445,471000	Quyết toán thừa kế hoạch vốn. Nguồn tiết kiệm chi
IV	NGHỊ QUYẾT VỀ SỬA CHỮA HOÀN TRẢ TUYẾN ĐƯỜNG HƯ HỎNG DO LÀM ĐƯỜNG PHỤC VỤ THI CÔNG ĐƯỜNG CAO TỐC						810	810	826	826	826,000000	809,824000	16,176000	16,176000	809,824000	Nguồn tiết kiệm chi
1	ĐH5.NT (Km4+015 - Km4+195)	UBND huyện Núi Thành				16675-24/8/21	344	344	346	346	346,000000	344,015000	1,985000	1,985000	344,015000	Quyết toán thừa kế hoạch vốn
2	ĐH7.NT (Km3+550 - Km3+800)					16674-24/8/21	466	466	480	480	480,000000	465,809000	14,191000	14,191000	465,809000	
V	NGHỊ QUYẾT VỀ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG CNTT, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						50.000	50.000	-	-	7.000,000000	-	-	7.000,000000	-	
1	Nâng cấp, triển khai Hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh và hệ thống ký số tập trung	Sở Thông tin và Truyền thông					50.000	50.000			7.000,000000			7.000,000000	-	(*) Nguồn tiết kiệm chi. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
B2	DANH MỤC DỰ ÁN						851.821	817.234	115.999	115.999	136.246,000000	15.017,401000	103.482,599000	65.272,647000	70.973,353000	
I	AN NINH, TRẬT TỰ XÃ HỘI						20.600	20.600	-	-	8.346,000000	-	-	8.346,000000	-	
1	Nhà làm việc Công an huyện Đắc Chung, tỉnh Sê Kông	Công an tỉnh					10.600	10.600			5.346,000000			5.346,000000	-	(*) Nguồn ngân sách tập trung. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
2	Mua sắm Hệ thống trang thiết bị, phần mềm nghiệp vụ phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao						10.000	10.000			3.000,000000			3.000,000000	-	(*) Nguồn tiết kiệm chi. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
II	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						60.000	60.000	-	-	3.000,000000	-	-	3.000,000000	-	
1	Trường THPT Quế Sơn	BQL dự án ĐTXD tỉnh					60.000	60.000			3.000,000000			3.000,000000	-	(*) Nguồn tiết kiệm chi. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
III	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						5.634	5.634	-	-	900,000000	-	-	900,000000	-	
1	Hệ thống xử lý chất thải Trung tâm Da liễu tỉnh Quảng Nam	Sở Y tế					3.163	3.163			600,000000			600,000000	-	(*) Nguồn ngân sách tập trung. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
2	Hệ thống xử lý chất thải Trung tâm Y tế huyện Đại Lộc						2.471	2.471			300,000000			300,000000	-	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021 đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi điều chỉnh	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số							Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh								
IV	THỂ DỤC THỂ THAO						40.000	40.000	-	-	2.000,000000	-	-	2.000,000000	-	
1	Nâng cấp sân vận động Tam Kỳ	BQL dự án ĐTXD tỉnh					40.000	40.000			2.000,000000			2.000,000000	-	(*) Nguồn ngân sách tập trung. Chưa phê duyệt dự án đầu tư
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						712.787	678.200	115.999	115.999	119.500,000000	15.017,401000	103.482,599000	48.526,647000	70.973,353000	
V.2	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						653.787	624.200	94.500	94.500	97.500,000000	3.935,000000	93.565,000000	39.000,000000	58.500,000000	
1	Mở rộng mặt đường ĐH3.QS (Quế Phú - Quế Cường)	UBND huyện Quế Sơn	7880057		292	09-05/01/21	93.942	84.200	17.500	17.500	17.500,000000	522,000000	16.978,000000	16.000,000000	1.500,000000	Mới lập hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán, chưa thể lựa chọn nhà thầu xây lắp. Nguồn thu sử dụng đất
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐT609, đoạn An Đầm - A Sờ	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông			292		260.000	260.000			3.000,000000		3.000,000000	3.000,000000	-	(*) Chưa phê duyệt dự án đầu tư. Nguồn tiết kiệm chi
3	Đường giao thông từ Quốc lộ 40B vào UBND xã Trà Leng (ĐH1.NTM)	UBND huyện Nam Trà My	7894723		292	1801-30/6/21	150.000	140.000	39.000	39.000	39.000	1.700,000000	37.300,000000	10.000,000000	29.000,000000	Nguồn tiết kiệm chi
4	Đường giao thông Trà Mai - Trà Vân - Trà Vinh (ĐH5.NTM)		7894427		292	1750-28/6/21	149.845	140.000	38.000	38.000	38.000	1.713,000000	36.287,000000	10.000,000000	28.000,000000	Nguồn tiết kiệm chi
V.2	QUY HOẠCH						59.000	54.000	21.499	21.499	22.000,000000	11.082,401000	9.917,599000	9.526,647000	12.473,353000	
1	Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7794942	413	332	1221-11/8/20	49.000	49.000	21.499	21.499	21.000,000000	11.082,401000	9.917,599000	8.526,647000	12.473,353000	Nguồn ngân sách tập trung
2	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện phía Đông tỉnh Quảng Nam (Quy mô 2.743 km2)	Sở Xây dựng					10.000	5.000			1.000,000000			1.000,000000	-	(*) Nguồn ngân sách tập trung
VI	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						12.800	12.800	-	-	2.500,000000	-	-	2.500,000000	-	
VI.1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						9.800	9.800	-	-	2.000,000000	-	-	2.000,000000	-	
1	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở Công an tỉnh	Công an tỉnh					9.800	9.800			2.000,000000			2.000,000000	-	(*) Chưa phê duyệt dự án đầu tư. Nguồn tiết kiệm chi
VI.2	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI						3.000	3.000	-	-	500,000000	-	-	500,000000	-	
1	Sửa chữa trụ sở làm việc Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Liên minh Hợp tác xã tỉnh					3.000	3.000			500,000000			500,000000	-	(*) Chưa phê duyệt dự án đầu tư. Nguồn ngân sách tập trung

Ghi chú: (*) Chưa phân bổ kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư.

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ TỪ NGUỒN CẮT GIẢM KẾ HOẠCH NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 TẠI PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết nay	Nợ khối lượng hoàn thành	Chủ đầu tư đề nghị	Kế hoạch vốn phân bổ							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số				Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó					
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh									Kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2021			
																			Trong đó		Trong đó	Trong đó
								Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó									
	TỔNG SỐ						3.676.006	1.917.449	1.588.431	487.404	283.111	287.473	91.137,526200	13.634,174200	77.503,352000	22.272,647000	16.000	1.000	38.230,705000			
A	PHÂN BỐ DỰ ÁN QUYẾT TOÁN						1.242.480	825.763	434.458	21.800	109.898	109.707	26.571,352000	13.068,000000	13.503,352000	10.272,647000	-	-	3.230,705000			
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						1.240.182	823.763	432.658	20.000	109.507	109.507	26.371,352000	13.068,000000	13.303,352000	10.072,647000	-	-	3.230,705000			
I.1	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						1.222.805	819.386	419.658	20.000	106.728	106.728	23.592,513000	13.068,000000	10.524,513000	7.293,808000	-	-	3.230,705000			
1	Phòng chống lụt bão, đường cứu hộ cứu nạn thành phố Tam Kỳ	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7194444	599	292	2911-10/9/12	1.222.805	819.386	419.658	20.000	106.728	106.728	23.592,513000	13.068,000000	10.524,513000	7.293,808000			3.230,705000	Quyết định quyết toán số 2815/QĐ-UBND ngày 05/10/2021		
I.2	CÔNG NGHIỆP ĐIỆN NĂNG						17.377	4.377	13.000	-	2.779	2.779	2.778,839000	-	2.778,839000	2.778,839000	-	-	-			
1	Cấp điện xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7284227	560	309	24-26/01/11	6.046	1.266	4.780		379	379	379,018000		379,018000	379,018000				Quyết định quyết toán số 282/QĐ-STC ngày 06/9/2021		
2	Cấp điện thôn 3, xã Trà Mai, huyện Nam Trà My		7284230	560	309	27-18/02/11	6.609	1.889	4.720		1.585	1.585	1.585,186000		1.585,186000	1.585,186000				Quyết định quyết toán số 313/QĐ-STC ngày 28/9/2021		
3	Cấp điện thôn 5, thôn 6, xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn		7280086	560	309	245-27/10/10	4.722	1.222	3.500		815	815	814,635000		814,635000	814,635000				Quyết định quyết toán số 314/QĐ-STC ngày 28/9/2021		
II	BẢO ĐẢM XÃ HỘI						2.298	2.000	1.800	1.800	391	200	200,000000	-	200,000000	200,000000	-	-	-			
1	Bia tường niệm AHLS khu di tích vụ thảm sát Chợ Đàn, xã Quế Châu	UBND huyện Quế Sơn	7762794		371	561-30/5/19	2.298	2.000	1.800	1.800	391	200	200,000000		200,000000	200,000000				Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 27/8/2021		
B	PHÂN BỐ DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG, ĐẢY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN						2.433.526	1.091.687	1.153.973	465.604	173.214	177.766	64.566	566,174200	64.000	12.000	16.000	1.000	35.000			
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						63.493	63.493	57.681	57.681	1.892	1.566	1.566,174200	566,174200	1.000,000000	-	-	1.000	-			
1	Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7713885	560	074	315-28/01/21	59.993	59.993	56.300	56.300	1.326	1.000	1.000,000000		1.000,000000			1.000		Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành		
2	Trường THPT Trần Đại Nghĩa, huyện Quế Sơn	UBND huyện Quế Sơn	7783949		074		3.500	3.500	1.381	1.381	566	566	566,174200	566,174200	-					Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng		
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						612.348	499.748	282.439	225.502	88.847	94.200	39.000,000000	-	39.000,000000	-	16.000	-	23.000,000000			

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết nay		Nợ khối lượng hoàn thành	Chủ đầu tư đề nghị	Kế hoạch vốn phân bổ							Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số			Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó	Kế hoạch vốn năm 2021					
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh							Kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021	Tổng số	Trong đó			
																	Nguồn NSTT	Nguồn thu sử dụng đất		Nguồn xã số kiến thiết
II.1	GAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						612.348	499.748	282.439	225.502	88.847	94.200	39.000,000000	-	39.000,000000	-	16.000	-	23.000,000000	
1	Cầu Nông Sơn và đường nối từ cầu Nông Sơn đến đường Đông Trường Sơn	BQL dự án ĐTXD các CTGT tỉnh	7714805	599	292	102-11/01/19	128.410	127.810	102.152	102.152	9.000	10.000	6.000,000000		6.000,000000		6.000			Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành
2	Cầu Hội Khách - Tân Đới	UBND huyện Đại Lộc	7759384		292	1534-27/5/19	140.000	98.000	69.637	64.200	20.000	20.000	10.000,000000		10.000,000000		10.000			Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành
3	Cầu sông Khang và đường từ xã Quế Thọ, Bình Sơn, xã Thăng Phước, huyện Hiệp Đức đi huyện Tiên Phước	UBND huyện Hiệp Đức	7760706		292	1602-30/5/19	130.000	91.000	50.300	4.300	24.197	35.000	10.000,000000		10.000,000000				10.000,000000	Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành
4	Các tuyến nội thị trấn Prao	UBND huyện Đông Giang	7796111		292	3878-28/11/19	80.000	56.000	26.000	25.500	15.000	4.200	3.000,000000		3.000,000000				3.000,000000	Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành
5	Đường từ trung tâm huyện Tây Giang đi huyện Đông Giang (qua các xã ATiêng, Bhalêê, AVương)	UBND huyện Tây Giang	7716761		292	2996-05/10/18	133.938	126.938	34.350	29.350	20.650	25.000	10.000,000000		10.000,000000				10.000,000000	Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành
III	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						9.398	9.398	5.264	5.264	2.474	2.000	2.000,000000	-	2.000,000000	-	-	-	2.000,000000	
III.1	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI						9.398	9.398	5.264	5.264	2.474	2.000	2.000,000000	-	2.000,000000	-	-	-	2.000,000000	
1	Trụ sở làm việc Báo Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7865604	560	361	124-03/11/20	9.398	9.398	5.264	5.264	2.474	2.000	2.000,000000		2.000,000000				2.000,000000	Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành
IV	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA						1.748.287	519.048	808.590	177.158	80.000	80.000	22.000,000000	-	22.000,000000	12.000,000000	-	-	10.000,000000	
1	Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	7678808	599	292	546-06/02/18	768.075	201.176	498.360	107.657	40.000	40.000	10.000,000000		10.000,000000				10.000,000000	Ưu tiên thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng
2	Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai - Núi Thành		7545199	599	311	187-09/8/17	980.212	317.872	310.230	69.501	40.000	40.000	12.000,000000		12.000,000000	12.000,000000				